

Bản án số: 04 /2023/HS-ST

Ngày 13 - 01 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Mạnh Tường và ông Hà Quang Văn.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2022/TL-STHS ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Ngọc A** sinh năm 1988; tại N, Ninh Bình; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Bùi Văn C, con bà Nguyễn Thị H; chồng: Lã Hữu N; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2022 đến ngày 19/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị L sinh năm 1963; trú tại: thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Vũ Xuân H sinh năm 1980; trú tại: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Bùi Trung D sinh năm 1982; trú tại: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Quỳnh A sinh năm 1992; trú tại: phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Đặng Quang Ê sinh năm 1988; trú tại: thôn L, xã B, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn A sinh năm 1986; trú tại: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Vũ Văn A sinh năm 1981; trú tại: thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc A; nơi cư trú: thôn S, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình làm nghề lao động tự do, A không công tác và có chức vụ gì thuộc các Tổ chức tín dụng hay Công ty tài chính, A không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay hay kinh doanh tiền tệ, song do biết một số người dân mà A quen biết có nhu cầu vay tiền nên A đã nảy sinh ý định cho những người này vay với mức lãi suất từ 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày đến 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 109.5%/năm đến 182.5%/năm (Vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự) để thu lợi bất chính. Những người đi vay tiền của A không phải cầm cố, thế chấp tài sản gì. Việc cho vay giữa Bùi Ngọc A và những người đi vay được thực hiện bằng hợp đồng miệng. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2021 đến ngày 13 tháng 9 năm 2022, Bùi Ngọc A đã cho 07 người vay tiền, cụ thể:

1. *Bùi Ngọc A cho bà Hoàng Thị L sinh năm 1963; trú tại: thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình vay tiền vào các ngày 18/10/2021; 01/12/2021 và 20/3/2022:*

- Ngày 18/10/2021, bà L đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, bà L đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 09 tháng tính từ tháng 11/2021 đến ngày 18/7/2022 với tổng số tiền 40.500.000 đồng. Kể từ ngày 18/10/2021 đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 331 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 9.068.493 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 31.431.507 đồng. Đối với số tiền gốc vay 50.000.000 đồng, đến nay bà L chưa trả cho A.

- Ngày 01/12/2021, bà L đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 109.5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, bà L đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 05 tháng tính từ tháng 12/2021 đến ngày 01/5/2022 với tổng số tiền 22.500.000đồng. Kể từ ngày 01/12/2021 đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 287 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 7.863.013 đồng. Như vậy, số tiền mà A

thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 14.636.987 đồng. Đối với số tiền gốc vay 50.000.000 đồng, đến nay bà L chưa trả cho A.

- Ngày 20/3/2022, bà L đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 70.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, bà L đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 03 tháng tính từ tháng 03/2022 đến ngày 20/6/2022 với tổng số tiền 18.900.000đồng. Kể từ ngày Ngày 20/3/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 178 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 6.827.397 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 12.072.603 đồng. Đối với số tiền gốc vay 70.000.000 đồng, đến nay bà L chưa trả cho A.

Như vậy: Tổng số tiền lãi suất mà A được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự đối với 03 hợp đồng vay trên giữa A và bà L là: 23.759.903 đồng; Tổng số tiền mà A đã thu lời bất chính đối với 03 hợp đồng vay trên giữa A và bà L là: 58.140.097 đồng.

2. *Bùi Ngọc A cho anh Vũ Xuân H sinh năm 1980; trú tại: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình vay tiền vào ngày 01/10/2021 và tháng 11/2021:*

- Ngày 01/10/2021, anh H đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh H đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 08 tháng tính từ tháng 11/2021 đến ngày 30/6/2022 với tổng số tiền 24.000.000đồng. Đến ngày 11/7/2022, anh H đã trả số tiền gốc vay 20.000.000 đồng cho A. Kể từ ngày 01/10/2021 tính đến ngày 11/7/2022 (ngày anh H trả tiền gốc đã vay cho A) là 284 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 3.112.328 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 20.887.672 đồng.

- Vào tháng 11/2021, anh H đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh H đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 07 tháng tính từ tháng 12/2021 đến ngày 30/6/2022 với tổng số tiền 21.000.000đồng. Đến ngày 11/7/2022, anh H đã trả số tiền gốc vay 20.000.000 đồng cho A. Kể từ ngày 01/11/2021 tính đến ngày 11/7/2022 (ngày anh H trả tiền gốc đã vay cho A) là 253 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 2.772.602 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính

(tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 18.227.398 đồng.

- Cũng vào tháng 11/2021, anh H đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh H đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 07 tháng tính từ tháng 12/2021 đến ngày 30/6/2022 với tổng số tiền 31.500.000 đồng. Đến ngày 11/7/2022, anh H đã trả số tiền gốc vay 30.000.000 đồng cho A. Kể từ ngày 01/11/2021 tính đến ngày 11/7/2022 (ngày anh H trả tiền gốc đã vay cho A) là 253 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 4.158.904 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 27.341.096 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền lãi suất mà A được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự đối với 03 hợp đồng vay trên giữa A và anh H là: 10.043.834 đồng; Tổng số tiền mà A đã thu lời bất chính đối với 03 hợp đồng trên giữa A và anh H là: 66.456.166 đồng.

3. *Bùi Ngọc A cho anh Bùi Trung D sinh năm 1982; trú tại: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình vay tiền vào các ngày 05/01/2022 và 27/4/2022:*

- Ngày 05/01/2022, anh D đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh D đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 05 tháng tính từ tháng 02/2022 đến ngày 05/6/2022 với tổng số tiền 7.500.000 đồng. Vào tháng 7/2022, anh D đã trả số tiền gốc vay 10.000.000 đồng cho A. Kể từ ngày 05/01/2022 tính đến ngày 31/7/2022 (ngày anh D trả tiền gốc đã vay cho A) là 208 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 1.139.726 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 6.360.274 đồng.

- Ngày 27/4/2022, anh D đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh D đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 02 tháng tính từ tháng 05/2022 đến ngày 27/6/2022 với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Vào tháng 7/2022, anh D đã trả số tiền gốc vay 20.000.000 đồng cho A và còn nợ lại A số tiền gốc vay 30.000.000 đồng. Trong đó: anh D và A thỏa thuận trong số tiền lãi 15.000.000 đồng anh D đã trả cho A thì có 6.000.000 đồng để trả cho khoản lãi suất của số tiền gốc vay 20.000.000 đồng; còn 9.000.000 đồng để trả cho khoản lãi suất của số tiền gốc vay 30.000.000 đồng mà anh D chưa trả cho A.

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà anh D đã trả hết gốc và trả lãi số tiền 6.000.000 đồng cho A: Kể từ ngày 27/4/2022 tính đến ngày 31/7/2022 (ngày anh D trả tiền gốc đã vay 20.000.000 đồng cho A) là 96 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 1.052.054 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 4.947.946 đồng.

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà anh D chưa trả gốc, nhưng đã trả lãi số tiền 9.000.000 đồng cho A: Kể từ ngày 27/4/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 140 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 2.301.369 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 6.698.631 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền lãi suất mà A được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự đối với 02 hợp đồng vay trên giữa A và anh D là: 4.493.149 đồng; Tổng số tiền mà A đã thu lời bất chính đối với 03 hợp đồng trên giữa A và anh D là: 18.006.851 đồng.

4. *Bùi Ngọc A cho chị Nguyễn Quỳnh A sinh năm 1992; trú tại: phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình vay tiền vào ngày 05/5/2022:*

- Ngày 05/5/2022, chị Anh đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 15.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 109.5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, chị Anh đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 03 tháng tính từ tháng 06/2022 đến ngày 05/8/2022 với tổng số tiền 6.600.000 đồng. Vào ngày 22/8/2022, chị Anh đã trả số tiền gốc vay 15.000.000 đồng cho A. Kể từ ngày 05/5/2022 tính đến ngày 22/8/2022 (ngày chị Anh trả tiền gốc đã vay cho A) là 110 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 904.109 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 5.695.891 đồng.

5. *Bùi Ngọc A cho anh Đặng Quang Ê sinh năm 1988; trú tại: thôn L, xã B, huyện N, tỉnh Ninh Bình vay tiền vào các ngày 25/02/2022; 13/4/2022:*

- Ngày 25/02/2022, anh Ê đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 15.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182.5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh Ê đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 06 tháng tính từ tháng 03/2022 đến ngày 25/8/2022 với tổng số tiền 13.500.000 đồng. Kể từ ngày 25/02/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 201 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 1.652.054 đồng. Như vậy, số tiền mà A

thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 11.847.946 đồng. Đối với số tiền gốc vay 15.000.000 đồng, đến nay anh Ê chưa trả cho A.

- Ngày 13/4/2022, anh Ê đến nhà A gặp và hỏi vay được của A số tiền 15.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182.5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh Ê đã trả lãi suất cho A trong khoảng thời gian 04 tháng tính từ tháng 05/2022 đến ngày 13/8/2022 với tổng số tiền 9.000.000 đồng. Kể từ ngày 13/4/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 154 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 1.265.753 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 7.734.247 đồng. Đối với số tiền gốc vay 15.000.000 đồng, đến nay anh Ê chưa trả cho A.

Như vậy: Tổng số tiền lãi suất mà A được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự đối với 02 hợp đồng vay trên giữa A và anh Ê là: 2.917.807 đồng; Tổng số tiền mà A đã thu lời bất chính đối với 03 hợp đồng trên giữa A và anh Ê là: 19.582.193 đồng.

6. *Bùi Ngọc A cho anh Nguyễn Văn A sinh năm 1986; trú tại: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Ninh Bình vay tiền vào ngày 22/3/2022:*

- Ngày 22/3/2022, anh Nguyễn Văn A đến nhà Bùi Ngọc A gặp và hỏi vay được của Bùi Ngọc A số tiền 20.000.000 đồng nhưng chưa tính lãi suất. Sau đó đến ngày 30/6/2022 do anh Nguyễn Văn A chưa có tiền trả gốc nên giữa anh A và Bùi Ngọc A tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc tính lãi suất của khoản tiền 20.000.000 đồng anh A đã vay của Bùi Ngọc A vào ngày 22/3/2022, với mức lãi suất của khoản vay 20.000.000 đồng trên là 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 182.5%/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh Nguyễn Văn A đã trả lãi suất cho Bùi Ngọc A trong khoảng thời gian 02 tháng tính từ tháng 07/2022 đến ngày 30/8/2022 với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Kể từ ngày 30/6/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 76 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 832.876 đồng. Như vậy, số tiền mà Bùi Ngọc A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 5.167.124 đồng. Đối với số tiền gốc vay 20.000.000 đồng, đến nay anh Nguyễn Văn A chưa trả cho Bùi Ngọc A.

7. *Bùi Ngọc A cho anh Vũ Văn A sinh năm 1981; trú tại: thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào các ngày 17/7/2022; 19/7/2022:*

- Ngày 17/7/2022, anh Vũ Văn A đến nhà Bùi Ngọc A gặp và hỏi vay được của A số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5 %/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh A

đã trả lãi suất cho Bùi Ngọc A 01 tháng vào ngày 17/8/2022 với số tiền 900.000 đồng. Kể từ ngày 17/7/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 59 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà Bùi Ngọc A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 323.287 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 576.713 đồng. Đối với số tiền gốc vay 10.000.000 đồng, đến nay anh Vũ Văn A chưa trả cho Bùi Ngọc A.

- Ngày 19/7/2022, anh Vũ Văn A đến nhà Bùi Ngọc A gặp và hỏi vay được của A số tiền 16.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5 %/năm của khoản tiền vay. Sau khi vay, anh A đã trả lãi suất cho Bùi Ngọc A 01 tháng vào ngày 19/8/2022 với số tiền 1.440.000 đồng. Kể từ ngày 19/7/2022 tính đến ngày 13/9/2022 (ngày A bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng) là 57 ngày thì mức lãi suất vay cao nhất mà Bùi Ngọc A được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay = số tiền 499.726 đồng. Như vậy, số tiền mà A thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) = số tiền 940.274 đồng. Đối với số tiền gốc vay 16.000.000 đồng, đến nay anh Vũ Văn A chưa trả cho Bùi Ngọc A.

Như vậy: Tổng số tiền lãi suất mà Bùi Ngọc A được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự đối với 02 hợp đồng vay trên giữa Bùi Ngọc A và anh Vũ Văn A là: 823.013 đồng; Tổng số tiền mà Bùi Ngọc A đã thu lời bất chính đối với 02 hợp đồng trên giữa Bùi Ngọc A và anh Vũ Văn A là: 1.516.987 đồng.

Vào ngày 13/9/2022, khi Bùi Ngọc A đang ở nhà mình ở thôn S, xã P, huyện N thì Tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan phối hợp với Công an xã Phú Sơn, huyện Nho Quan tiến hành kiểm tra hành chính gia đình Bùi Ngọc A đã phát hiện A có hành vi liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với những người có họ tên, địa chỉ, năm sinh, nơi cư trú nêu trên. Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc và thu giữ của Bùi Ngọc A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, lắp sim 0979.544.898.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Ngọc A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan còn thu giữ của A: 01 thẻ ngân hàng số 9704150110898189 và 01 thẻ ngân hàng số 9704053097322092, đều mang tên “BUI NGOC A”; 01 quyển sổ ghi lịch sử vay tiền màu đen, KT (24 x 17 x 15)cm bên ngoài có chữ “BUSINESS” màu vàng, dày 77 trang (*trong đó có 03 trang được đánh số từ 01 đến 03, có chữ số, chữ viết và có xác nhận của Bùi Ngọc A; các trang còn lại không có chữ viết, chữ số. Phía trước trang được đánh số “01” của quyển sổ có các vết xé các trang (tờ) phía trước, cuối sổ có vết xé các trang (tờ)*); 02 thanh kiếm kim loại sáng màu, vỏ bằng nhựa màu đen, dài khoảng 80cm

được niêm phong theo quy định và số tiền 7.000.000 đồng (gồm 08 tờ mệnh giá 500.000đồng, 15 tờ mệnh giá 200.000đồng).

Tiến hành phong tỏa tài khoản số: 104803020588 của Bùi Ngọc A mở tại Ngân hàng Viettinbank xác định số tiền có trong tài khoản của A là: 1.453.247 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan đã gửi tài liệu cần giám định là 01 quyển sổ (ghi lịch sử vay tiền) nhãn hiệu Hải Tiên, bìa màu đen, mặt ngoài trang bìa có chữ màu vàng “BUSINESS” gồm 77 tờ, trong đó có 03 trang có chữ viết, chữ số ghi nợ được đánh số từ 1 đến 3. Tại các trang có chữ viết, chữ ký xác nhận của Bùi Ngọc A (thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nơi ở của A). Đồng thời gửi mẫu để so sánh là 06 “Bản tự khai/Bản tường trình” của Bùi Ngọc A viết, ký ra (ký hiệu từ M1 đến M6) để trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định về chữ viết.

Tại Bản kết luận giám định số 757/KL-KTHS-TL ngày 26/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: *“Chữ viết, chữ số từ trang 1 đến trang 3 trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ viết, chữ số của Bùi Ngọc A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6, là chữ do cùng một người viết ra”*.

Hoàn lại đối tượng giám định: Tài liệu cần giám định và toàn bộ tài liệu mẫu so sánh.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKSNDNQ-HS ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, truy tố Bùi Ngọc A ra trước Tòa án nhân dân huyện Nho Quan để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc Anh phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Anh từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục. Phạt bổ sung bị cáo từ 30 đến 40 triệu đồng, sung ngân sách Nhà nước.

- Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước:

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, thu của Bùi Ngọc A là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- + Số tiền 1.453.247 đồng đang bị phong tỏa tại tài khoản số 104803020588 mở tại Ngân hàng Viettinbank, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy:
 - + 01 sim số 0979.544.898; 01 thẻ ngân hàng số 9704150110898189 và 01 thẻ ngân hàng số 9704053097322092 thu giữ của Bùi Ngọc A;
 - Trả lại cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng.
 - Buộc Bùi Ngọc A phải trả lại cho:
 - + Bà Hoàng Thị L: số tiền 58.140.097 đồng;
 - + Anh Vũ Xuân H: số tiền 66.456.166 đồng;
 - + Anh Bùi Trung D: số tiền 18.006.851 đồng;
 - + Chị Nguyễn Quỳnh A: số tiền 5.695.891 đồng;
 - + Anh Đặng Quang Ê: số tiền 19.582.193 đồng;
 - + Anh Nguyễn Văn A: số tiền 5.167.124 đồng;
 - + Anh Vũ Văn A: số tiền 1.516.987 đồng;
 - Buộc những người đã vay tiền của A nộp lại số tiền đã vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:
 - + Bà Hoàng Thị L phải nộp lại số tiền: 170.000.000 đồng.
 - + Anh Bùi Trung D phải nộp lại số tiền: 30.000.000 đồng.
 - + Anh Đặng Quang Ê phải nộp lại số tiền: 30.000.000 đồng.
 - + Anh Nguyễn Văn A phải nộp lại số tiền: 20.000.000 đồng.
 - + Anh Vũ Văn A phải nộp lại số tiền: 26.000.000 đồng.
 - Buộc bị cáo Bùi Ngọc A phải nộp lại số tiền 158.773.691 đồng để sung ngân sách Nhà nước.
 - Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.
- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do có mối quan hệ quen biết, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2021 đến ngày 13 tháng 9 năm 2022, bị cáo đã cho bà Hoàng Thị L, anh Vũ Xuân H, anh Bùi Trung D, chị Nguyễn Quỳnh A, anh Đặng Quang Ê, anh Nguyễn Văn A và anh Vũ Văn A vay tiền với lãi suất thỏa thuận từ từ 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Bùi Thị A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám xét nơi ở, biên bản kiểm tra điện thoại, bản sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với nội dung bị cáo đã ghi chép trong quyển sổ bìa màu đen, mặt ngoài trang bìa có chữ màu vàng

“BUSINESS” nhãn hiệu Hải Tiên và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 13/9/2022, Bùi Ngọc A đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với mức lãi suất thấp nhất từ 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày và cao nhất là 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày; mức lãi suất vay đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với 07 người trên địa bàn huyện N gồm: bà Hoàng Thị L; chị Nguyễn Quỳnh A và các anh Vũ Xuân H, Bùi Trung D, Đặng Quang Ê, Nguyễn Văn A, Vũ Văn A. Tổng số tiền mà Bùi Ngọc A cho 07 người trên vay là: 391.000.000 đồng, thu lãi suất của 07 người nêu trên với tổng số tiền 218.340.000 đồng. Trong đó, lãi suất mà Bùi Ngọc A được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự là số tiền 43.773.691 đồng; tổng số tiền mà Bùi Ngọc A đã thu lời bất chính là: 174.566.309 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Ngọc A đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. ...

2. Phạm tội mà thu lời bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước; xâm phạm đến an toàn công cộng và lợi ích của cá nhân. Bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Để bảo vệ trật tự xã hội, có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, đưa ra xét xử, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố Bùi Ngọc A với tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; là phụ nữ hiện đang mang thai; có bố đẻ là người có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì và hạng ba, là những tình tiết giảm nhẹ hình trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo

một mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt; có chỗ ở ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ các điều kiện được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, với một thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú.

Về hình phạt bổ sung: Mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo là vụ lợi, nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[4] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với 02 thanh kiếm kim loại sáng màu, vỏ bằng nhựa màu đen, dài khoảng 80cm được niêm phong theo quy định. Quá trình điều tra xác định 02 thanh kiếm trên là tài sản của gia đình A không sử dụng vào việc vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, 02 thanh kiếm này A không đề nghị nhận lại, Công an huyện Nho Quan đã lập biên bản để xử lý về việc thu hồi vũ khí thô sơ theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 quyển sổ (ghi lịch sử vay tiền) nhãn hiệu Hải Tiến, bìa màu đen, mặt ngoài trang bìa có chữ màu vàng “BUSINESS” gồm 77 tờ, trong đó có 03 trang có chữ viết, chữ số ghi nợ được đánh số từ 01 đến 03 là chứng cứ cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, lắp sim 0979.544.898 thu của Bùi Ngọc A là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 thẻ ngân hàng số 9704150110898189 và 01 thẻ ngân hàng số 9704053097322092, đều mang tên “BUI NGOC A”, đăng ký tại Ngân hàng Viettinbank và Ngân hàng Agribank; đối với thẻ ngân hàng đăng ký tại Ngân hàng Viettinbank, bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy; đối với thẻ Ngân hàng đăng ký tại Ngân hàng Agribank, bị cáo không đề nghị trả lại, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 7.000.000 đồng thu giữ của Bùi Ngọc A không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 1.453.247 đồng đang bị phong tỏa tại tài khoản số 104803020588 mở tại Ngân hàng Viettinbank, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước,

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay tiền. Do đó, buộc Bùi Ngọc A phải trả lại cho:

- + Bà Hoàng Thị L: số tiền 58.140.097 đồng;
- + Anh Vũ Xuân H: số tiền 66.456.166 đồng;
- + Anh Bùi Trung D: số tiền 18.006.851 đồng;
- + Chị Nguyễn Quỳnh A: số tiền 5.695.891 đồng;
- + Anh Đặng Quang Ê: số tiền 19.582.193 đồng;
- + Anh Nguyễn Văn A: số tiền 5.167.124 đồng;
- + Anh Vũ Văn A: số tiền 1.516.987 đồng;

- Đối với số tiền những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án (người vay) chưa trả tiền gốc đã vay cho Bùi Ngọc A. Số tiền này là công cụ A dùng vào việc phạm tội. Cần buộc những người này nộp lại số tiền đã vay của A để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- + Bà Hoàng Thị L phải nộp lại số tiền: 170.000.000 đồng.
- + Anh Bùi Trung D phải nộp lại số tiền: 30.000.000 đồng.
- + Anh Đặng Quang Ê phải nộp lại số tiền: 30.000.000 đồng.
- + Anh Nguyễn Văn A phải nộp lại số tiền: 20.000.000 đồng.
- + Anh Vũ Văn A phải nộp lại số tiền: 26.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Ngọc A phải nộp lại số tiền: 158.773.691 đồng là tiền gốc và tiền lãi bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về các vấn đề khác: Trong vụ án này kết quả điều tra xác định, ngoài 07 trường hợp gồm: bà Hoàng Thị L; chị Nguyễn Quỳnh A; các anh Vũ Xuân H, Bùi Trung D, Đặng Quang Ê, Nguyễn Văn A, Vũ Văn A thì Bùi Ngọc A còn cho một số người quen biết khác vay nhưng không tính lãi suất, không thu lợi bất chính. Vì vậy, A không phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các khoản cho vay khác.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nho Quan, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc kê nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Bùi Ngọc A 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/01/2023).

Bị cáo Bùi Ngọc A phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Giao bị cáo Bùi Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 68 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo lại cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max thu của Bùi Ngọc A là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Số tiền 1.453.247 đồng đang bị phong tỏa tại tài khoản số 104803020588 mở tại Ngân hàng Viettinbank, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 sim số 0979.544.898; 01 thẻ ngân hàng số 9704150110898189 và 01 thẻ ngân hàng số 9704053097322092 thu giữ của Bùi Ngọc A;

- Trả lại cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan lập ngày 30/11/2022 và Ủy nhiệm chi số 29 lập ngày 06/12/2022 giữa Công an huyện Nho Quan và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

- Buộc Bùi Ngọc A phải trả lại cho:

+ Bà Hoàng Thị L: số tiền 58.140.097 đồng;

+ Anh Vũ Xuân H: số tiền 66.456.166 đồng;

+ Anh Bùi Trung D: số tiền 18.006.851 đồng;

+ Chị Nguyễn Quỳnh A: số tiền 5.695.891 đồng;

+ Anh Đặng Quang Ê: số tiền 19.582.193 đồng;

+ Anh Nguyễn Văn A: số tiền 5.167.124 đồng;

+ Anh Vũ Văn A: số tiền 1.516.987 đồng;

- Buộc những đã vay tiền của A nộp lại số tiền đã vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Bà Hoàng Thị L phải nộp lại số tiền: 170.000.000 đồng.

+ Anh Bùi Trung D phải nộp lại số tiền: 30.000.000 đồng.

+ Anh Đặng Quang Ê phải nộp lại số tiền: 30.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn A phải nộp lại số tiền: 20.000.000 đồng.
+ Anh Vũ Văn A phải nộp lại số tiền: 26.000.000 đồng.
- Buộc bị cáo Bùi Ngọc A phải nộp lại số tiền: 158.773.691 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Bùi Ngọc A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (13/01/2023); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND H.NQ;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- CA H.NQ;
- CCTHADS H.NQ;
- Sở tư pháp H.NQ;
- Lưu VP, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Quang Chung